

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 27/2023/DS - PT

Ngày 09 – 01 – 2023

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm, ông Hoàng Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 288/2022/TLPT- DS ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2022/DS - ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 292/2022/QĐ - PT ngày 01 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 285/2022/QĐ – PT ngày 22 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Kim C và ông Trần Văn T;

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Trần Văn T: Bà Phạm Thị Kim C; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk;

*** Bị đơn:** Ông Trương Văn Đ; địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Trần Văn M và bà Đậu Thị X; địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

2. Ông Trần Văn N; địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Trương Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thị Kim C và ông Trần Văn T trình bày:

Vào ngày 30/06/2015, vợ chồng chúng tôi có nhận chuyển nhượng thửa đất số 689a, tờ bản đồ số 13, diện tích 75 m² của ông Trần Văn Q và bà Hồ Thị L, thửa đất có đặc điểm chạy dọc theo quốc lộ 26, chiều ngang: 05m, chiều dài: 15,9m có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp ông Nguyễn G.
- Phía Tây giáp ông Trần Văn M.
- Phía Nam giáp Quốc lộ 26.
- Phía Bắc giáp ông Trương Văn Đ.

Tiếp đến, vào ngày 18/05/2018 vợ chồng chúng tôi có nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn M và bà Đậu Thị X 01 thửa đất có chiều ngang theo quốc lộ 26 là 03 mét, chiều dài là: 15 mét, địa chỉ 02 thửa đất thuộc Thôn A, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) sát bên hướng Tây thửa đất số 689a đã nêu ở phía trên.

Như vậy, tổng chiều ngang hai thửa đất nêu trên của vợ chồng chúng tôi dọc theo quốc lộ 26 là 08 mét, chiều dài hướng Đông giáp đất nhà ông G là: 15,9 mét, chiều dài hướng Tây giáp đất nhà ông Trần Văn Ch là: 15 mét, chiều ngang hướng Bắc giáp đất nhà ông Trương Văn Đ là: 08 mét.

Quá trình sử dụng đất, ông Trương Văn Đ người có đất ruộng ở hướng Bắc liền kề hai thửa đất nhà chúng tôi đã có vi phạm lấn chiếm vào đất của vợ chồng tôi. Ngày 12/05/2020 ông Đ đã tự ý cho xe múc đất thổ cư lên để sử dụng ruộng làm lúa. Số đất mà ông Đ đã lấn chiếm hết chiều dài hướng Đông giáp đất nhà ông G là: 7,7 mét; chiều dài hướng Tây giáp đất nhà ông Trần Văn Ch là: 6,8 mét; chiều ngang hướng Nam giáp đất của của vợ chồng tôi là: 08 mét; chiều ngang hướng Bắc giáp đất nhà ông Trương Văn Đ là: 08 mét. Tổng diện tích đất ông Đ lấn của vợ chồng tôi là: 61,6 m².

Vậy vợ chồng chúng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Văn Đ phải san lấp mặt bằng và trả lại đất lấn chiếm tổng diện tích là: 61,6m².

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Trương Văn Đ trình bày: Thửa đất ruộng của tôi đang canh tác tại Thôn A, xã H dọc theo Quốc Lộ 26 có nguồn gốc đất của ông Trần Văn N. Năm 1985 giữa tôi và ông N đã có thỏa thuận đổi ruộng qua lại để thuận lợi việc canh tác, thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất. Do vậy, các bên chỉ viên giấy tay thỏa thuận việc đổi ruộng với nhau diện tích khoảng 800 m² (không đo đạc cụ thể).

Từ lúc đổi ruộng cho ông N và canh tác từ năm 1985 cho đến nay không có tranh chấp với ai, thửa đất ruộng này dọc theo quốc lộ 26 cách mốc lộ giới khoản 5 mét. Tuy đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã có trong bản đồ giải thửa sắp tới sẽ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ thời điểm tôi đổi đất và làm ruộng thì mặt hướng Nam thửa đất ruộng nhà tôi, chỉ có nhà bà NLC1, ông NLC2, ông NLC3, ông M, ông G làm nhà tạm ở đó, hiện nay các ngôi nhà đó đã bị phá bỏ chỉ có nhà bà NLC1, ông G đang còn sinh sống. Từ năm 1985 đến nay tôi không thấy nhà bà C, ông T có ở đây.

Nay bà C, ông T khởi kiện tôi lấn đất 61.6 m² có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất ông G cạnh dài 7.7 mét; phía Tây giáp đất ông Trần Văn Ch cạnh dài 6.8 mét; phía Nam giáp đất nhà bà C cạnh dài 8 mét; phía Bắc giáp đất ông Trương Văn Đ cạnh dài 8 mét là hoàn toàn không có căn cứ bởi các lý do sau đây: Tôi đổi ruộng cho ông N từ năm 1985 và canh tác đến nay thì tôi không ký giáp ranh cho bà C và ông T để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên tôi đề nghị Tòa án xem xét việc bà C và ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có chồng lấn lên đất ruộng nhà tôi hay không (vì đất nhà ông T, bà C mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 30/6/2015).

Thửa đất ruộng của tôi và thửa đất phía trên đã có ranh giới cố định, từ lúc tôi đổi đất với ông N, Ruộng tôi có mặt hướng Nam thấp hơn thửa đất phía trên, do đất phía trên cao hơn nên trời mưa trôi xuống ruộng nhà tôi nên khi làm đất canh tác lúa, thì gia đình chúng tôi hất đất lên để lấy mặt bằng trồng lúa, chứ không có việc tôi thuê máy múc đất thổ cư nhà bà C, ông T để làm ruộng, nên tôi đề nghị Tòa án xem xét.

Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N trình bày: Thửa đất ruộng của Trương Văn Đ hiện nay đang tranh chấp có nguồn gốc là của tôi (Trần Văn N) do Hợp tác xã Nông Nghiệp H 3 (nay đã giải thể) cấp cho tôi trước năm 1981, Lúc cấp thì không có quyết định cấp đất của Cơ quan có thẩm quyền, tại thời điểm cấp đất chỉ có người của Hợp tác xã Nông Nghiệp H 3 tới chỉ đất và có nói diện tích trên 500 m² chứ không đo đạc cụ thể, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thửa đất ruộng này có một mặt Hướng Nam giáp với con đường phụ bằng đất chạy song song với Quốc Lộ 26, thời điểm đó chưa có mốc lộ giới, đường quốc lộ 26 còn nhỏ, cách tim đường Quốc Lộ 26 bây giờ khoảng bao nhiêu mét thì tôi cũng không nhớ chính xác, tại thời điểm tôi được cấp đất thì mặt hướng Nam thửa ruộng giáp với con đường phụ bằng đất, không có ai sinh sống ở đây, hiện nay con đường phụ này đã được phá bỏ và người dân tới làm nhà trên con đường phụ này.

Năm 1985 tôi đã đổi thửa ruộng này cho ông Đ và kể từ đó đến nay tôi không còn liên quan và cũng không đến thửa ruộng này, việc bà Phạm Thị Kim C và ông Trần Văn T khởi kiện cho rằng ông Trương Văn Đ lấn đất bà C, ông T thì tôi hoàn toàn không biết, tôi chỉ biết thời điểm đổi đất, thửa ruộng này mặt hướng Nam giáp với con đường phụ song song với Quốc Lộ 26 chứ thời điểm đó không có đất người nào hết.

Tôi chỉ nhớ được những nội dung như trên, Nay tôi đã đổi ruộng cho ông Trương Văn Đ từ năm 1985, giữa tôi và ông Đ không có tranh chấp gì tới việc đổi đất, nên tôi không liên quan tới việc tranh chấp đất giữa bà Phạm Thị Kim C và ông Trần Văn T với ông Trương Văn Đ.

Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn M và bà Đậu Thị X trình bày:

Ngày 18/5/2018 vợ chồng tôi có chuyển nhượng cho ông T, bà C thửa đất tại Thôn A, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk, với diện tích đất 45 m² có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp thửa đất số 689a, tờ bản đồ số 13 của ông Trần Văn T và bà Phạm Thị Kim C chiều dài 15 mét tính từ mốc lộ giới vào.

Hướng Tây giáp đất ông Trần Văn Ch chiều dài 15 mét tính từ mốc lộ giới vào.

Phía Nam giáp với mốc lộ giới quốc lộ 26 chiều dài 3 mét.

Hướng Bắc giáp thửa đất ruộng của ông Trương Văn Đ chiều dài 3 mét.

Với giá chuyển nhượng là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

Lúc chuyển nhượng thì đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên các bên chỉ làm giấy tờ viết tay.

Nguồn gốc đất này là do vợ chồng tôi nhận chuyển nhượng đất của ông Sử (hiện nay đã chết) vào năm 1995, diện tích đất trên trước đây là con đường tránh song song với quốc lộ 26 (con đường tránh trên phục vụ việc đi lại khi nhà nước đang làm cây cầu trên quốc lộ 26 gần đó).

Sau khi con đường tránh này không còn sử dụng thì các hộ dân gồm bà NLC1, ông NLC2, ông NLC3 (đã chết), ông G và vợ chồng tôi làm nhà tạm ở đó và năm 2018 tôi chuyển nhượng cho bà C, ông T.

Hiện nay tôi được biết, mặt hướng Bắc thửa đất mà tôi chuyển nhượng cho ông T, bà C thì đã bị ông Đ cho máy múc, múc lấn đất ông T, bà C, tuy nhiên lấn với diện tích bao nhiêu thì chúng tôi không nắm rõ, vợ chồng tôi chỉ biết có việc lấn đất.

Thửa đất này vợ chồng tôi đã chuyển nhượng cho ông T, bà C nên các bên xảy ra tranh chấp thì không liên quan tới vợ chồng tôi nữa.

Nay do nhiều công việc vợ chồng tôi không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án được, vợ chồng tôi đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại các buổi làm việc của tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm nếu có.

Quá trình tham gia tố tụng người làm chứng ông Nguyễn G trình bày:
ông G sinh sống tại Thôn A, xã H từ trước năm 1985, trước đây ông G làm nhà tạm ở sát con đường phụ chạy song song với quốc lộ 26, sau này ông G chuyển nhượng cho bà L, bà L hiện nay đi đâu thì không biết, lúc chuyển nhượng đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có mặt hướng Nam giáp với con đường phụ (nay con đường phụ đã được phá bỏ) và mặt hướng Bắc giáp nhà ông N trước đây, còn bây giờ nhà ông Đ, hướng Đông giáp đất nhà tôi bây giờ, hướng Tây giáp đất ông Ch. Tôi sinh sống nguyên thủy ở đây cho đến nay, trong thời gian tôi đi chữa bệnh về thì thấy trên đất nhà bà C, ông T đang thấy có may múc múc đất, nhưng không biết múc bao nhiêu và có lần đất ông T không thì tôi không biết. Ngoài ra tôi không biết gì thêm, đề nghị Tòa án không triệu tập tôi, tôi xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2022/DS - ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 10 Điều 12, Điều 166, Điều 202, khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Điều 2 Luật người cao tuổi;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1./ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim C và ông Trần Văn T.

Buộc ông Trương Văn Đ phải san lấp mặt bằng, trả lại cho bà Phạm Thị Kim C và ông Trần Văn T diện tích đất lấn chiếm là 25,3 m² có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp nhà ông G cạnh dài 3,52 mét

Phía Tây giáp đất nhà ông Trần Văn Ch cạnh dài 2,87 mét

Phía Nam giáp đất đất còn lại của bà C, ông T cạnh dài 8,03 mét

Phía Bắc giáp phần đất ruộng của nhà ông Đ cạnh dài 8,19 mét

Không chấp một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim C và ông Trần Văn T về việc buộc ông Trương Văn Đ trả lại diện tích đất lấn chiếm còn lại là 36,3 m².

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/9/2022, bị đơn ông Trương Văn Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại vụ án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Theo giấy CNQSDĐ số 628197, thửa đất số 689a, tờ bản đồ số 13, UBND huyện P cấp cho bà C, ông T có diện tích 75m², tuy nhiên kết quả đo đạc thực tế thì có diện tích 41,2m². Còn diện tích đất bà C, ông T nhận chuyển nhượng của ông M, bà X (chưa được cấp giấy CNQSDĐ) có diện tích 23,7m².

Nguồn gốc thửa đất ruộng của ông Đ: Năm 1985, ông N đổi đất ruộng với ông Đ, đất chưa được cấp GCNQSD đất, khi đổi các bên không đo đạc cụ thể mà theo ông N đất có diện tích khoảng 500m², còn ông Đ cho rằng diện tích khoảng 800m², xét thấy lời trình bày của ông N và ông Đ có sự mâu thuẫn về diện tích đất, xem xét giấy đổi đất lập ngày 02/01/1985 thì diện tích đất đã bị tẩy sửa. Căn cứ vào tờ bản đồ giải thửa số 13, xã H, đây là thửa đất số 67 có diện tích 777m² nhưng theo kết quả đo đạc thực tế thì ông Đ đang sử dụng diện tích đất là 850.4m², nhiều hơn diện tích trong trích lục bản đồ giải thửa là 73,4m². Ngoài ra, người làm chứng ông G cũng xác định việc có máy mức đất trên đất của bà C, ông T.

Theo tờ bản đồ giải thửa 2020, thể hiện thửa đất ruộng của ông Đ và đất của bà C, ông T có ranh giới là con mương cạn nhưng hiện nay con mương cạn đã không còn. Căn cứ vào các chứng cứ xác định ông Đ đã lấn chiếm phần diện tích đất của con mương cạn và lấn vào đất của bà C, ông T là 25,3m², trong đó, phần đất bị lấn thửa số 689a, tờ bản đồ số 13 là 16,5m² và lấn phần diện tích đất của bà C, ông T nhận chuyển nhượng của ông M, bà X là 8,8m², lỗi do ông Đ. Vì vậy, bà

C, ông T khởi kiện ông Đ là có căn cứ. Án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà C, ông T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Đ. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 58/2022/DS - ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trương Văn Đ làm trong hạn luật định, ông Đ là người cao tuổi có đơn xin miễn giảm án phí nên hợp lệ.

[2]. Về nội dung:

Xét đơn kháng cáo của ông Trương Văn Đ, HĐXX nhận định như sau:

[2.1]. Diện tích đất hiện nay ông Trần Văn T, bà Phạm Thị Kim C đang sử dụng gồm 02 thửa: Thửa đất số 689a, tờ bản đồ số 13 do ông T, bà C nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Trần Văn Q, bà Hồ Thị L đã được UBND huyện P cấp GCNQSD đất với diện tích 75m² và thửa đất do ông T, bà C nhận chuyển nhượng từ ông Trần Văn M, bà Đậu Thị X (đất chưa được cấp GCNQSD đất) với diện tích 45m².

[2.2]. Diện tích đất ông Trương Văn Đ đang sử dụng chưa được cấp GCNQSD đất, tuy nhiên theo bản đồ địa chính và theo Biên bản xác minh tại UBND xã H, huyện P thì phần đất ông Đ đang sử dụng thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 67 tại Thôn A, xã H, diện tích 777,0m².

[2.3]. Tuy nhiên, theo kết quả đo đạc của Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật trắc địa Sài Gòn – Chi nhánh Đắk Lắk ngày 17/6/2022 thể hiện, diện tích thửa đất số 689a, tờ bản đồ số 13 là 41,2m² và thửa đất do ông T, bà C nhận chuyển nhượng từ ông M, bà X chỉ còn 23,7m², trong khi đó diện tích thực tế hiện nay ông Đ đang sử dụng là 850,4m², tăng 73,4m² so với sơ đồ giải thửa.

[2.4]. Xét thấy, hiện trạng ranh giới giữa đất của ông T, bà C với đất của ông Đ không còn nên quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện P đã lồng ghép kết quả đo đạc thực tế ngày 17/6/2022 với sơ đồ giải thửa năm 2020, kết quả thể hiện: Phần diện tích thực tế ông Đ đang sử dụng đã lấn sang một phần diện tích đất của ông T, bà C, cụ thể: lấn thửa đất số 689a, tờ bản đồ số 13 là 16,5m² và thửa đất do ông T, bà C nhận chuyển nhượng của ông M, bà X là 8,8m².

[2.5]. Từ những phân tích, nhận định nói trên, HĐXX xét thấy việc Toà án cấp sơ thẩm xét xử buộc ông Trương Văn Đ phải trả cho vợ chồng ông Trần Văn T, bà Phạm Thị Kim C diện tích 25,3m² là có căn cứ nên việc ông Đ kháng cáo đề nghị HĐXX phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện của ông T, bà C là không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận đơn kháng cáo nên ông Trương Văn Đ phải án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên ông Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên cần miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Đ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1]. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Trương Văn Đ.

Giữ nguyên Bản dân sự sơ thẩm số 58/2022/DS - ST ngày 09/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Tuyên xử:

[2.1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim C và ông Trần Văn T.

Buộc ông Trương Văn Đ phải san lấp mặt bằng, trả lại cho bà Phạm Thị Kim C và ông Trần Văn T diện tích đất lấn chiếm là 25,3 m² có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp nhà ông G cạnh dài 3,52 mét

Phía Tây giáp đất nhà ông Trần Văn Ch cạnh dài 2,87 mét

Phía Nam giáp đất đất còn lại của bà C, ông T cạnh dài 8,03 mét

Phía Bắc giáp phần đất ruộng của nhà ông Đ cạnh dài 8,19 mét

[2.2]. Không chấp một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim C và ông Trần Văn T về việc buộc ông Trương Văn Đ trả lại diện tích đất lấn chiếm còn lại là 36,3 m².

[3]. Về chi phí tố tụng và án phí:

[3.1]. Về chi phí tố tụng:

Bà Phạm Thị Kim C và ông Trần Văn T phải chịu số tiền chi phí trích đo địa chính thửa đất, tiền xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.714.000 đồng, số tiền này ông T, bà C đã nộp và đã chi phí xong.

Ông Trương Văn Đ phải chịu số tiền chi phí trích đo địa chính thửa đất, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.286.000 đồng, số tiền này bà Phạm Thị Kim C và ông Trần Văn T đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong nên buộc ông Trương Văn Đ phải hoàn trả cho bà Phạm Thị Kim C, ông Trần Văn T số tiền 3.268.000 đồng.

[3.2]. Về án phí:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Kim C và ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0009874, ngày 22/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P. Nguyên đơn bà Phạm Thị Kim C và ông Trần Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn lại là 2.200.000 đồng.

Bị đơn ông Trương Văn Đ được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND H. Krông Pắc;
- Chi cục THADS H. P;
- Đăng Cổng TTĐT TANDTC
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tấn Đức